

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUẦN GIÁO
TỈNH ĐIỆN BIÊN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST

Ngày 22/9/2022

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUẦN GIÁO - TỈNH ĐIỆN BIÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Nga.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Huyền và bà Bạc Thị Hồng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Lượng, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Vân, Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo, tỉnh Điện Biên; xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 61/2022/TLST-HN&GD ngày 04 tháng 5 năm 2022 về việc Ly hôn; tranh chấp về nuôi con, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số: 13/2022/QĐST-HNGĐ ngày 29/8/2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lò Thị T; sinh năm 1994; nơi ĐKKHKT: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nơi ở hiện nay: Bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của chị Lò Thị T có: Bà Bùi Thúy A - Trợ giúp viên pháp lý Nhà nước tỉnh Điện Biên; có mặt.

Bị đơn: Anh Lò Văn T; sinh năm 1992; địa chỉ: Bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 04 tháng 5 năm 2022, bản tự khai, đơn đề nghị của nguyên đơn và ý kiến của người bảo vệ quyền và lợi chị Lò Thị T trình bày:

Về hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T chung sống với nhau đầu năm 2015, đăng ký kết hôn ngày 11/11/2015 tại UBND xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống những năm đầu hạnh phúc, nhưng sau đó do anh Tính không làm chủ được bản thân nên có chơi bời mắc nghiện ma túy, không tu chí làm ăn. Do đó vợ chồng mâu thuẫn. Đến tháng 11 năm 2019 chị T đã bỏ về nhà bố mẹ để ở bản N, xã Nà Sáy ở cho đến nay. Trong thời gian không còn sống chung giữa chị T và anh T đã không liên lạc, quan tâm gì đến nhau. Đến nay chị T không còn tình cảm với anh T, không thể kéo dài mối quan hệ hôn nhân với anh T nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

Về con chung: Chị T và anh T có 02 người con chung là Lò Thị Thúy A, sinh ngày 06/10/2015 và Lò Thanh N, sinh ngày 02/7/2018.

Cháu A đang được anh T trực tiếp nuôi dưỡng ở tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên. Còn cháu N đang được chị T trực tiếp nuôi dưỡng ở bản N, xã N, huyện T, tỉnh Điện Biên. Khi khởi kiện chị T có yêu cầu được trực tiếp nuôi cả hai người con chung, sau đó chị T thay đổi nguyện vọng nuôi con do chị T thấy rằng hiện tại cháu A đang ở ổn định cùng với anh T. Vì vậy chị T đề nghị Tòa án xem xét giao cháu N cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng, giao cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu A. Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị Lò Thị T đề nghị miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm.

Tại đơn đề nghị, đơn xin vắng mặt bị đơn anh Lò Văn T trình bày như sau:

Về hôn nhân: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T đi đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/11/2015. Kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc. Cuộc sống chung vẫn diễn ra hạnh phúc, sau đó do cuộc sống khó khăn nên anh T đi làm thuê, chị T ở nhà đã bỏ nhà đi theo người đàn ông khác, khi được gia đình khuyên quay về nhưng chị T không nghe. Đến nay anh T cũng đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T có 02 con chung, cháu Lò Thị Thúy A, sinh ngày 06/10/2015 và cháu Lò Thanh N, sinh ngày 02/7/2018. Sau ly hôn anh T có nguyện vọng được nuôi dưỡng cháu A; giao cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Anh Lò Văn T và chị Lò Thị T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản và nợ: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu ý kiến như sau:

- Về tố tụng: Đã thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Căn cứ lời trình bày của đương sự và kết quả xác minh của Tòa án; đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51, 56 chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị T, cho chị T ly hôn với anh T; đề nghị HĐXX áp dụng Điều 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân gia đình giao cháu Lò Thị Thúy A, sinh ngày 16/10/2015 cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Giao cháu N, sinh ngày 02/7/2018 cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục đến khi thành niên và có khả năng lao động. Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự, điểm d khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVHQ 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị T, do chị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Xét đơn khởi kiện của chị Lò Thị T với anh Lò Văn T thì được xác định là vụ án ly hôn và tranh chấp về nuôi con theo quy định tại Điều 51, Điều 56, Điều 58, Điều 81, Điều 82 Luật hôn nhân gia đình. Thời điểm chị T nộp đơn khởi kiện, anh T có nơi ĐKKTT tại bản C, xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên; nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tuần Giáo theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự; quá trình giải quyết vụ án đương sự đã nhận được đầy đủ các thông báo, Quyết định hợp lệ. Chị T và anh T đều có đơn xin xét xử vắng mặt, việc đưa ra xét xử vắng mặt của đương sự vẫn đảm bảo quyền lợi cho đương sự, phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228; Điều 238 BLTTDS; do vậy có đủ căn cứ để tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về Hôn nhân: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện T, tỉnh Điện Biên vào ngày 11/11/2015. Anh chị kết hôn tự nguyện, không ai ép buộc, nên có thể xác định hôn nhân của chị T và anh T là hôn nhân hợp pháp theo quy định Luật Hôn nhân & gia đình. Qua lời trình bày của chị T, anh T và xác minh của Tòa án thì thấy, cuộc sống hôn nhân của chị T và anh T đã có mâu thuẫn, nguyên nhân dẫn đến vợ chồng không còn sống chung là do anh T có sử dụng ma túy, chị T không chung thủy với anh T; thời gian sống ly thân giữa hai bên đều không còn sự quan tâm, chia sẻ, yêu thương nhau. Từ những căn cứ trên thấy rằng, tình cảm vợ chồng của chị T và anh T đã rạn nứt, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân & gia đình; để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Lò Thị T, cho chị Lò Thị T ly hôn với anh Lò Văn T.

[2.2] Về con chung: Qua các tài liệu, chứng cứ cung cấp, quá trình xác minh điều kiện nuôi con thì xác nhận chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có 02 con chung, là Lò Thị Thúy A, sinh ngày 06/10/2015 và Lò Thanh N, sinh ngày 02/7/2018. Quá trình không còn sống chung thì chị T và anh T đều có trách nhiệm mỗi người nuôi một người con chung, cuộc sống của các cháu A và cháu N đều được ổn định. Khi giải quyết ly hôn chị T và anh T đều có nguyện vọng phù hợp với thực tế về việc giao nuôi con. Vì vậy để cháu N và cháu A có cuộc sống ổn định, đảm bảo cho các cháu có cuộc sống phát triển về cả thể chất lẫn tinh thần; HĐXX căn cứ vào Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật hôn nhân gia đình, giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu A cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động; giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu N cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không yêu cầu giải quyết về cấp dưỡng nuôi con, việc không yêu cầu giải quyết HĐXX xét thấy cả hai bên vẫn đảm bảo các điều kiện để nuôi con, vì vậy HĐXX không xem xét.

[2.3] Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không yêu cầu giải quyết.

[2.4] Về án phí: Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án và đơn đề nghị miễn án phí. Hội đồng xét xử, xét thấy chị Lò Thị T là người dân tộc thiểu số, sống ở vùng có điều kiện kinh tế xã hội đặc biệt khó khăn và có đơn đề nghị miễn án phí dân sự sơ thẩm nên chị T đủ điều kiện được xét miễn án dân sự sơ thẩm.

[3] Tại phiên tòa, Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuần Giáo đưa ra đề nghị về việc giải quyết vụ án là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật và nội dung vụ án, vì vậy cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83; 84 Luật hôn nhân & gia đình.

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, Điều 271, Điều 273, Điều 238 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án; tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Lò Thị T được ly hôn với anh Lò Văn T.

2. Về con chung: Giao cho chị Lò Thị T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thanh N, sinh ngày 02/7/2018 cho đến khi đủ tuổi thành niên và đủ khả năng lao động; giao cho anh Lò Văn T trực tiếp nuôi dưỡng, trông nom, chăm sóc, giáo dục cháu Lò Thị Thúy A, sinh ngày 06/10/2015 cho đến khi thành niên và đủ khả năng lao động. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T, không yêu cầu giải quyết về phần cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu người không trực tiếp nuôi con, cùng các thành viên gia đình tôn trọng quyền được nuôi con của mình. Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung không ai được cản trở chị T và anh T thực hiện quyền này.

Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn; khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3. Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T không yêu cầu giải quyết.

4. Về án phí: Chị Lò Thị T được miễn án phí ly hôn.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Lò Thị T và anh Lò Văn T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

CÁC THÀNH VIÊN CỦA HĐXX THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- UBND xã Chiềng Đông;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga

Nơi nhận

- Phòng KTNV và THA;
- VKSND huyện T.Giáo;
- Chi cục THADS huyện T.Giáo;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lương Thị Nga